TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;

2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Chau San – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 538/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1997; cư trú: Tổ 16, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1993; cư trú: cư trú: Tổ 16, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị R trình bày: Hôn nhân của bà với ông Lê Tuấn A do tự tìm hiểu yêu thương nhau, rồi được gia đình hai bên tổ chức đám

cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã v, huyện a, tỉnh An Giang vào ngày 16/3/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, ông A thường uống rượu rồi đánh bà nhiều lần, từ đó làm mất hạnh phúc gia đình, bà và ông A ly thân nhau từ tháng 7/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình hai bên không đứng ra hàn gắn. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 01 con chung tên Lê Ngọc V, sinh ngày 02/3/2019. Hiện cháu sống với cha. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông A tiếp tục nuôi cháu V và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và sống tự lập.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến; ông A cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Theo Cơ sở dữ liệu Quốc Gia về dân cư ngày 08/02/2023 do Công an xã V cung cấp, ông Lê Tuấn A; sinh năm 1993, hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Biên bản ghi lời khai ngày 10/01/2023 do Tòa án thu thập, người thân của bà R, ông A xác định hôn nhân giữa bà R và ông A mâu thuẫn nhau, ông A uống rượu và đánh vợ, hai bên đã ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay.

Tại phiên tòa, bà R vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Về con chung giao cho ông A nuôi dạy, công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của bà R. Đối với tài sản chung ông A

vắng mặt nếu sau này ông A chứng minh về tài sản chung thì sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các t ài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị R khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Tuấn A. Đồng thời, ông A cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà R vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà R, ông A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà R xin ly hôn với ông A, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà R, ông A đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, đều này phù hợp với Biên bản ghi lời khai với người làm chứng do Tòa án thu thập được. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông A không có mặt để hàn gắn. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà R là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc V, sinh ngày 02/3/2019. Bà R đồng ý để ông A tiếp tục nuôi cháu V. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu V đều sống cùng ông A. Do đó, để tránh xáo trộn về mặt tâm lý đối với các con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử giao con chung cho ông A tiếp tục nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Bà R tự nguyện cấp dưỡng 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V thành niên theo luật định, điều này là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện.

[5] Về tài sản chung: Bà R xác định không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông A có căn cứ xác định có tài sản chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Bà R không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà R là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ngoài ra bà R còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị R.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị R được ly hôn với ông Lê Tuấn A.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40 ngày 16/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Lê Tuấn A được nuôi dạy 01 (một) con chung tên Lê Ngọc V, sinh ngày 02/3/2019.

Bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 800.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình.

Ông A cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà R trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà R phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007979 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà R phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Bà R, ông A được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã nơi ĐKKH (1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Lê Thị Sang